TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 33

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong bốn số thập phân dưới đây, số bé nhất là:

A. 34,44 **B.** 34,43 **C.** 34,9 **D.** 34,54

Câu 2. Làm tròn số 249,189 đến số tự nhiên gần nhất ta được:

A. 251 **B.** 250 **C.** 249 **D.** 249,2

Câu 3. Hỗn số 6 3/4 viết thành phân số là:

A. 9/4 **B.** 27/24 **C.** 22/4 **D.** 27/4

Câu 4. Một sợi dây dài 16,93 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 39,7 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 73,46 m **B.** 56,63 m **C.** 74,56 m **D.** 73,56 m

Câu 5. 5 km² = ……. ha

A. 500 **B.** 50 **C.** 50 000 **D.** 5000

Câu 6. Hình thang có đáy lớn 14 cm, đáy bé 8 cm, chiều cao 11 cm. Diện tích hình thang là:

A. 121 cm² **B.** 616 cm² **C.** 33 cm² **D.** 242 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số thập phân: 11,417; 11,81; 11,931; 11,3; 11,7.

a) Số bé nhất là: …….

b) Số lớn nhất là: …….

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: …….

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 1,15 ……. 1,25

b) 1,7 ……. 1,70

c) 2 tấn 5 kg ……. 2,005 tấn

d) 3 ha ……. 3000 m²

Bài 3. Tìm x:

a) x + 6,76 = 25,16; x = …….

b) x × 0,4 = 7,68; x = …….

c) 40,9 − x = 22,19; x = …….

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4 m 3 cm = …… m

b) 9 kg 67 g = …… kg

c) 2 km² = …… ha

d) 7600 m² = …… ha

Bài 5. Bánh xe của một chiếc xe đạp có bán kính 0,25 m. Hỏi bánh xe lăn trên mặt đất 200 vòng thì xe đạp đi được bao nhiêu mét?

a) Chu vi bánh xe: …… m

b) Lăn 200 vòng đi được: …… m

Bài 6. Một tổ may cắt 3 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 2,8 m vải. Giá mỗi mét vải là 95 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 33

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	D	D	A	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Xếp từ bé đến lớn: 11,3 < 11,417 < 11,7 < 11,81 < 11,931

a) 11,3

b) 11,931

c) 11,7

d) 11,931 + 11,3 = 23,231

Bài 2.

a) 1,15 < 1,25

b) 1,7 = 1,70

c) 2 tấn 5 kg = 2,005 tấn

d) 3 ha > 3000 m²

Bài 3.

a) x = 25,16 − 6,76 = 18,4

b) x = 7,68 : 0,4 = 19,2

c) x = 40,9 − 22,19 = 18,71

Bài 4.

a) 4,03

b) 9,067

c) 200

d) 0,76

Bài 5.

Chu vi bánh xe: 0,25 × 2 × 3,14 = 1,57 (m)

Quãng đường: 1,57 × 200 = 314 (m)

Bài 6.

Số vải: 2,8 × 3 = 8,4 (m)

Số tiền: 95 000 × 8,4 = 798 000 (đồng)